

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2023/DSST**
Ngày: 29 – 5 – 2023
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỳ Trân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: B T, phường A, TP ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Văn Q, sinh năm 1964, (chết); địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q, gồm:

+ Bà Đặng Thị N, sinh năm 1966;

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1931;

+ Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1995;

+ Bà Lưu Thị Q1, sinh năm 1997;

Bà N, bà L, ông Đ, bà Q1 cùng trú tại Xóm E, thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Lưu Thị Kim S1, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

+ Bà Lưu Thị Sang L1, sinh năm 1986; địa chỉ: 3 N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ Khu phố T, Phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Khu phố P, Phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2018, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:* Theo Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 29/11/2010, ông Lưu Văn Q và bà Đặng Thị N có mua của bà S 01 xe máy hiệu Suvina, số máy 232190, số khung 002190, nợ số tiền 10.912.000 đồng chưa trả nên bà S khởi kiện yêu cầu ông Lưu Văn Q và bà Đặng Thị N trả nợ gốc số tiền 10.912.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2018, người khởi kiện bà S xác định bị đơn là bà Đặng Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn Q. Bà S yêu cầu bà N phải trả nợ cho bà số tiền gốc 10.912.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản trình bày ngày 20/02/2023, bà S trình bày: Bản gốc bản hợp đồng ngày 29/11/2010 không có chữ ký Lưu Văn Q nên bà S kiện đòi nợ bà N trả nợ, có tính lãi theo pháp luật, nếu pháp luật cho tính lãi thì Tòa án tính lãi nếu Bộ luật tố tụng dân sự không cho tính lãi thì tòa không tính lãi. Yêu cầu trả nợ dứt điểm 01 lần. Bà S yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2023, bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:** Bà N thừa nhận có mua xe trả góp của bà S, có viết giấy trả góp ngày 29/11/2010, số tiền nợ 10.912.000 đồng, mỗi tháng góp 210 ngày, mỗi ngày góp 52.000 đồng, ký chữ N. Bà N không thừa nhận ký vào người mua hay người bảo lãnh trong Hợp đồng mua trả góp xe ngày 29/11/2010. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vì không phải là chữ ký của bà, rất rõ ràng nên không cần thiết phải giám định. Bà N không đồng ý trả nợ gốc 10.912.000 đồng mua xe và tiền lãi cho bà S vì khi mua xe ông bà đã trả góp xong, thực tế không phải góp theo ngày mà theo tháng lương của ông Q làm việc cho bà S để cản trừ nợ. Việc trả nợ thì bà S có nhận tiền nhưng không có giấy tờ của bà S ghi nhận việc đã trả góp xong cho bà S, chỉ nói miệng. Bà không có giấy tờ gì chứng minh việc ông Q chồng bà làm công trả nợ cũng như không có giấy xác nhận của bà S về việc ông bà đã trả nợ xong cho bà S. Ông Q mất năm 2015, hiện nay, bà là người đang sử dụng chiếc xe biển số 78M1-7574.

Bà N cho rằng bà S kiện từ năm 2018 nhưng việc mua bán xe trả góp từ năm 2010, thời gian quá lâu, nếu pháp luật quy định hết thời hiệu kiện tính nợ và lãi thì yêu cầu phải áp dụng để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bà. Chồng bà là Lưu Văn Q đã mất năm 2015, các con là Lưu Thị Kim S1, Lưu Thị Sang L1, Lưu Văn Đ, Lưu Thị Q1 đã lấy chồng ở xa, con trai là Lưu Văn Đ cũng đi làm ăn xa, không biết và không liên

quan gì đến việc mua bán xe giữa bà và bà S. Mẹ của ông Q là bà Lê Thị L cũng không biết và không liên quan gì.

*Về việc tham gia tố tụng tại tòa: Bà N bận công việc buôn bán kiếm sống nên không thể đến Tòa án làm việc, hòa giải cũng như khi Tòa xét xử vụ án, do đó, bà yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai do Tòa án thu thập trình bày:*

Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân T1 (DNTNTM) Thanh Sương từ năm 2007 đến tháng 4/2012 thì nghỉ việc. Giữa ông và bà S chỉ ký Hợp đồng lao động viết tay do bà S soạn thảo, bà S giữ Hợp đồng lao động này. Theo đó, ông làm công ăn lương theo tháng, công việc chính là lắp ráp xe để bán cho khách hàng và đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, sau khi khách hàng trả hết số tiền góp thì ông liên hệ Phòng cảnh sát giao thông thành phố T hoặc Đ để làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho khách hàng. Khi khách mua xe máy trả góp với Doanh nghiệp tư nhân T2, ngoài việc khách hàng thỏa thuận ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên đăng ký xe trên các Hợp đồng mua bán xe máy trả góp thì còn ký một giấy ủy quyền cho cá nhân nhân viên đó đứng tên đăng ký xe để sau khi khách hàng trả hết nợ mua xe thì nhân viên này đứng ra ký giấy chuyển nhượng sang tên chủ sở hữu xe cho khách đó.

Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012, ông là người được ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe của hầu hết các khách hàng đến mua xe trả góp của bà Thanh S. Giấy ủy quyền đứng tên đăng ký xe của từng khách hàng đều do bà S giữ, ông không có tài liệu này để cung cấp cho Tòa án. Khi khách hàng trả hết nợ, ông trực tiếp liên hệ cơ quan công an chuyển tên cho khách hàng. Sau khi ông nghỉ việc, có những khách hàng trả xong nợ thì bà S vào gặp ông để làm thủ tục chuyển tên. Ông không nhớ đứng tên trên bao nhiêu giấy đăng ký xe đã bán cho khách hàng của bà S, hiện nay còn nhiều xe ông chưa làm thủ tục chuyển tên cho khách hàng. Khi ông nghỉ việc, ông có ký giấy ủy quyền cho bà S làm các thủ tục chuyển tên sở hữu cho khách hàng trả nợ xong, bản gốc các giấy tờ mua bán xe, giấy đăng ký xe mô tô do ông đứng tên và giấy ủy quyền của ông cho bà S đều do bà S giữ nên ông không có giấy tờ cung cấp cho Tòa. Ông có ý kiến ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô của bà Thanh S, ông chỉ đứng tên giúp doanh nghiệp nên ông xin phép không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt ông trong các lần làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án không triệu tập ông và ông cũng không yêu cầu Tòa án phải thông báo cho ông nội dung các lần làm việc của bà S với khách hàng.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự vắng mặt nên không hòa giải được; Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không

có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật:

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà N phải trả tiền gốc mua xe trả góp số tiền 10.912.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại đơn kiện ngày 01/7/2018, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Lưu Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị N trả nợ. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2018, bà S xác định bị đơn là bà Đặng Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn Q. Xét, bà S khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả nợ nên xác định bà Đặng Thị N là bị đơn, ông Lưu Văn Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 và khoản 3, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn Đặng Thị N trả nợ theo hợp đồng mua bán xe đã ký kết giữa các bên, nên xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn N, xã B, thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại Hợp đồng mua bán xe máy trả góp ngày 29/11/2010 thể hiện người mua xe ông Lưu Văn Q, người bảo lãnh là Đặng Thị N nhưng ông Q không viết và ký tên, bà N ký và ghi rõ họ tên người mua và người bảo lãnh. Sau đó, bà N viết và ký giấy nhận nợ ngày 29/11/2010 cho bà S. Nguyên đơn bà S yêu cầu bà N phải trả nợ cho bà. Do đó, HĐXX xác định ông Lưu Văn Q không liên quan đối với giao dịch mua bán xe giữa bà S với bà N nên không đưa vào tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn Đặng Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về quan hệ pháp luật: Bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn N thanh toán tiền theo Hợp đồng mua bán xe ngày 29/11/2010, số tiền 10.912.000 đồng. Trong Hợp đồng có nội dung “*Bên mua xe cam kết trả nợ đúng thời gian và số tiền góp mỗi tháng. Nếu bên*

mua không trả đúng quy định phải chịu lãi suất 2% trên tổng số tiền góp mỗi tháng. Trong vòng 90 ngày bên mua xe không nộp tiền hàng tháng đầy đủ cho bà Thanh S sẽ khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa...”. Do đó, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bà N vi phạm nghĩa vụ của bên mua là tháng 3/2011. Nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ tháng 3/2011. Ngày 01/7/2018, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về hợp đồng mua bán tài sản đã hết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2023, bà N đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Đòi lại tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005, Điều 429, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại Hợp đồng kinh tế mua bán xe máy bản gốc lập ngày 29/11/2010 thể hiện bên mua xe Lưu Văn Q, người bảo lãnh là Đặng Thị N mua xe Suvina, số máy 232190, số khung 002190, số tiền mua là 10.912.000đ, mỗi ngày trả góp 52.000 đồng, góp trong thời gian 210 ngày. Tại bản khai ngày 10/3/2023, bị đơn bà N thừa nhận viết và ký chữ “N” vào giấy mua xe trả góp ngày 29/11/2010, không ký vào Hợp đồng trả góp mua xe máy nhưng bà không yêu cầu giám định. Bị đơn trình bày mua góp của bà S xe máy biển số 78M1-7574, phù hợp với phiếu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 27/02/2023 của Công an thành phố T, chủ xe này là ông Lê Văn T. Tuy nhiên, ông Lê Văn T trình bày các xe máy dù đứng tên ông nhưng thuộc quyền sở hữu của T2. Như vậy, có căn cứ để xác định bà Đặng Thị N có mua góp xe máy hiệu Suvina, số máy LFAV1P52FMH36L232190, số khung RMNWCH5MN6H002190 của T2, biển kiểm soát 78M1-7574, ngày đăng ký mới 29/11/2010, số tiền góp là 10.912.000đ.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà S yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Bà N thừa nhận vợ chồng cùng mua xe của bà S, đã trả nợ xong nhưng không có giấy tờ chứng minh. Hiện nay, chiếc xe máy biển số 78M1-7574, bà N đang là người sử dụng. Bà N cũng trình bày ông Q chết năm 2015, mẹ của ông Q là bà Lê Thị L và các con của bà N, ông Q lấy chồng và đi làm ăn xa không biết và không liên quan gì đối với việc mua bán và trả nợ giữa bà và bà S. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà S, buộc bà N có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà S số tiền 10.912.000đ.

[8] Về việc tính lãi: Bà N yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005, Hợp đồng mua bán xe máy trả góp đã hết thời hiệu khởi kiện 03 năm quy định tại Điều 429 Điều 688 BLDS, căn cứ theo Điều 23 [Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP](#) ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản tiền lãi.

Do đó, bị đơn N phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn S số tiền nợ là 10.912.000 đồng.

[9] Ông Lê Văn T thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Tại Điều 2 Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 29/11/2010 có nội dung “*Bà Thanh S không thu tiền trước bạ và biển số thành phố, khi nào bên mua xe thanh toán hết nợ cho bà Thanh S thì*

người đứng tên xe ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, như vậy bà Thanh S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua. Tiền sang tên trước bạ lần 2 do bên mua chịu tiền thuế trước bạ và tự đến phòng trước bạ của Chi cục thuế để nộp”. Như vậy, thỏa thuận này phù hợp với các quy định tại Điều 461 và khoản 2 Điều 439 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78M1-7574 thì nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn; tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn nộp.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền 10.912.000 đồng x 5% = 545.600 đồng. H lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 428, 431, 432, 438, 439, 305 BLDS 2005, Điều 429, 468, 688 BLDS năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S số tiền nợ gốc mua xe là 10.912.000 đồng (*Mười triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1-7574 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02) do bị đơn chịu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu số tiền 545.600 đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 273.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0010182 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên